**Mẫu 1.8**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm [năm N]       Ngày lập báo cáo […/…/…..]

Mã số ID: [*Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp*]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: …………………………………………………………………………………….

Tên cơ sở: ……………………………………………………………………………………

Mã số thuế: ……………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………… [Tên Huyện ....] [Tên Tỉnh…..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ………………………………………………..

Điện thoại: …………………………… Fax: …………………., Email: ……………………….

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ………………………………………………………………..

Địa chỉ: ……………………………………. [Tên Huyện ....]   [Tên Tỉnh…….]

Điện thoại: ……………………..  Fax: ………………………., Email: …………………..

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

□: Chưa áp dụng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

□: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** |
| Diện tích đất được phục vụ tưới tiêu | *ha* |  |
| Số trạm bơm | *(trạm)* |  |
| Số lượng bơm | *(chiếc)* |  |
| Tổng công suất sử dụng điện cho bơm  Khối lượng nước bơm hàng ngày | *kW*  *m3/ngày* |  |
| ….. |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục: 1.2, II)*